

THÚC ĐẨY CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG VIỆC TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

● TRẦN VĂN KHÁNH¹ - ĐỒNG MINH NHÌ²

¹ Khoa Tài chính Ngân hàng - Kế toán,

Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh

² Viện Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508026>

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích vai trò của chuyển giao công nghệ trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại các trường đại học. Trong bối cảnh cạnh tranh giáo dục ngày càng cao, việc tự chủ trong quản trị trở thành yếu tố quan trọng giúp các trường đại học linh hoạt hơn trong việc áp dụng công nghệ mới. Bài nghiên cứu sẽ làm rõ các khái niệm liên quan, phân tích các mô hình chuyển giao công nghệ hiện có, đồng thời đánh giá thực trạng, cũng như thách thức các trường đại học tự chủ đang đối mặt. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ và đào tạo đội ngũ nhân lực. Kết quả nghiên cứu chỉ ra việc tối ưu hóa sự chuyển giao công nghệ không chỉ cải thiện quản trị mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững trong giáo dục đại học.

Từ khóa: chất lượng giáo dục, đổi mới sáng tạo, hiệu quả chuyển giao công nghệ, mô hình chuyển giao công nghệ, tự chủ quản trị đại học.

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, giáo dục đại học Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ theo hướng tự chủ, cho phép các trường quản lý tài chính, đào tạo và tuyển sinh. Để tận dụng cơ hội này, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng giảng dạy, thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp và phát triển kỹ năng cho sinh viên. Nghiên cứu này phân tích các yếu tố thành công, rào cản và đề xuất giải pháp nhằm cải thiện quản trị đại học tự chủ, nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng cạnh tranh.

2. Một số khái niệm và cơ sở lý thuyết

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Chuyển giao công nghệ

Theo Đỗ Thị Hải Ninh và Đỗ Ngọc Bích (2020), chuyển giao công nghệ là cần thiết cho đổi mới tại các trường đại học và doanh nghiệp. Chuyển giao công nghệ là quá trình chuyển nhượng và áp dụng công nghệ từ bên ngoài vào các cơ sở giáo dục đại học để nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. Chuyển giao công nghệ bao gồm áp dụng kết quả nghiên cứu, hợp tác với doanh nghiệp và cải tiến chương trình đào tạo. Tuy nhiên, nghiên

cứu của Hà (2019) chỉ ra liên kết giữa trường và doanh nghiệp còn yếu, với kinh phí chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp chiếm dưới 30% tài chính của Đại học Quốc gia Hà Nội và số lượng sáng chế còn hạn chế. Trong bối cảnh tự chủ, chuyển giao công nghệ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và khả năng cạnh tranh.

2.1.2. *Đổi mới sáng tạo*

Đổi mới sáng tạo là quá trình áp dụng ý tưởng, công nghệ và phương pháp mới để nâng cao hiệu quả. Đinh Thị Thùy Linh (2021) cho rằng, vai trò của các trường đại học Việt Nam còn hạn chế, cần thúc đẩy nghiên cứu gắn với nhu cầu kinh tế và hỗ trợ nhân lực, tài chính cho R&D. Chỉ 2 - 3 trường như Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa mạnh về R&D nhưng vẫn xếp hạng thấp. Mục tiêu là nâng cao chất lượng giáo dục, tối ưu quản lý, phát triển hợp tác, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

2.1.3. *Quản trị đại học tự chủ*

Quản trị đại học tự chủ cho phép các trường tự quyết về tổ chức, tài chính, đào tạo và tuyển sinh (Chang và cộng sự, 2009). Tuy nhiên, chuyển đổi sang đại học khởi nghiệp đòi hỏi tích hợp nghiên cứu với thương mại hóa. Đề án thí điểm tự chủ cho 23 trường công lập còn thiếu đồng bộ và nguồn vốn chưa rõ ràng (Hong Thủy, 2020). Việt Nam có mức tự chủ thấp, các trường vẫn phụ thuộc chỉ đạo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, gây chậm trễ và vướng mắc trong chuyển đổi (Hoàng Minh Sơn và cộng sự, 2019; Đinh Văn Toàn, 2020).

2.2. *Một số mô hình chuyển giao công nghệ hiện có*

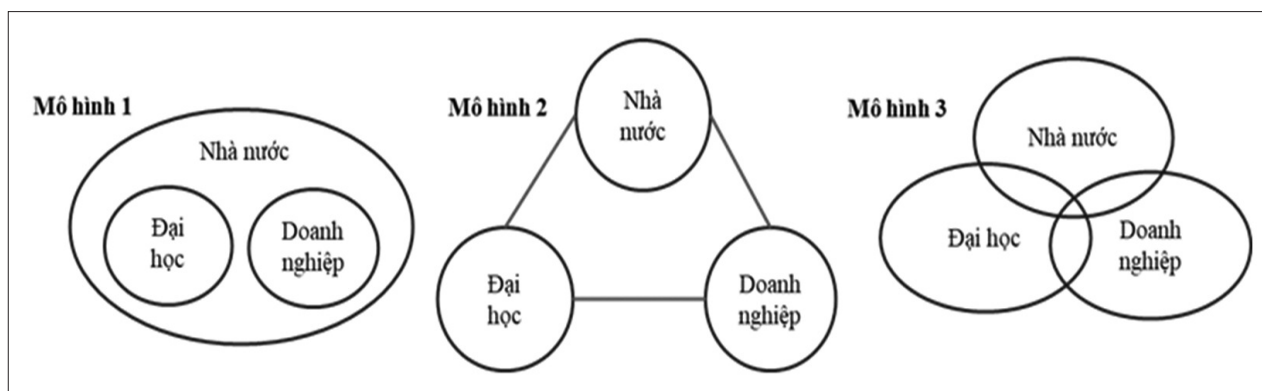
Theo Etzkowitz và Leydesdorff (2000), phát triển mô hình Triple Helix nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Mô hình này cũng được áp dụng ở Việt Nam để phân tích mối quan hệ giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp, xác định vai trò hợp tác này trong phát triển kinh tế.

Trong mô hình 1, Nhà nước điều hành và định hướng cho doanh nghiệp và trường đại học, dẫn đến thiếu động lực thương mại hóa nghiên cứu (Etzkowitz, 2003). Mô hình 2 cho phép thị trường tham gia, với vai trò của Nhà nước chủ yếu là điều tiết và hỗ trợ. Hiện tại, Việt Nam đang chuyển từ mô hình 1 sang mô hình 2, nhưng tất cả các trường đại học chưa đạt được điều này (Hà, 2019). Mô hình 3 kết hợp doanh nghiệp, Nhà nước và trường đại học, nơi Nhà nước thúc đẩy thị trường khoa học công nghệ qua hỗ trợ dự án và trung tâm nghiên cứu (Hình 1).

3. *Thực trạng chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các trường đại học tự chủ*

Cơ sở giáo dục đại học cần gắn kết với khoa học và công nghệ để đáp ứng nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa. Đổi mới sáng tạo là cần thiết, nhưng nhiều cơ sở gặp khó khăn tài chính, với quy mô đào tạo sau đại học thấp (5% thạc sĩ, 0,6% tiến sĩ), đặc biệt trong lĩnh vực STEM. Tình trạng này dẫn đến thiếu hụt nhân lực trình độ cao, ảnh hưởng đến hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển quốc gia.

Hình 1: Mô hình Triple Helix về mối quan hệ giữa trường đại học, doanh nghiệp và Nhà nước



Nguồn: Etzkowitz và Leydesdorff (2000)

3.1. Chính sách tự chủ đại học

Chính sách tự chủ đại học tại Việt Nam được cụ thể hóa trong Luật Giáo dục Đại học (sửa đổi năm 2018) và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định các nguyên tắc, quy định chung về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Tự chủ đại học là cơ chế cho phép các cơ sở giáo dục đại học chủ động trong việc ra quyết định về tổ chức bộ máy, tuyển sinh, tài chính, chương trình đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học. Mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính cạnh tranh và thúc đẩy chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam, 5 lĩnh vực hoạt động chính của trường đại học và cao đẳng có tác động của quyền tự chủ, bao gồm:

- Tự chủ trong quản lý điều hành nhà trường: ở phương Tây, đại học có bốn cấp quản lý: Bộ môn, Khoa, Ban Giám hiệu và Hội đồng Nhà trường, trong đó Hội đồng không can thiệp vào học thuật và chính phủ quy định khung ra quyết định. Tại Việt Nam, cấu trúc quản lý gồm cấp trường (điều hành toàn bộ), cấp khoa (quản lý đào tạo và nghiên cứu) và cấp bộ môn (triển khai học thuật), cùng với các trung tâm phụ trách ứng dụng khoa học và công nghệ. Trước đây, nhiều trường áp dụng mô hình 2 cấp (Trường - Phòng/Khoa), nhưng do sự phát triển lớn, mô hình này gặp khó khăn trong quản lý chuyên môn. Vì vậy, nhiều trường đã chuyển sang mô hình 3 cấp, cho thấy tính hiệu quả và phù hợp hơn.

- Tự chủ tài chính là yếu tố then chốt trong quá trình phát triển bền vững của các trường đại học. Nguồn thu chính bao gồm ngân sách nhà nước, học phí, hợp đồng dịch vụ đào tạo, nghiên cứu và các nguồn tài trợ khác. Mặc dù Nghị định số 43/2006/NĐ-CP đã trao quyền tự chủ tài chính, nhưng trên thực tế, mức học phí còn thấp, chưa đủ để bù đắp chi phí đào tạo. Điều này khiến nhiều trường gặp khó khăn trong việc đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, cần cho phép các trường tự quyết định mức học phí phù hợp với năng lực và định hướng phát triển, đồng thời sử dụng hiệu quả các khoản thu để chi cho hoạt động

thường xuyên, nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư nghiên cứu khoa học và mở rộng hợp tác quốc tế.

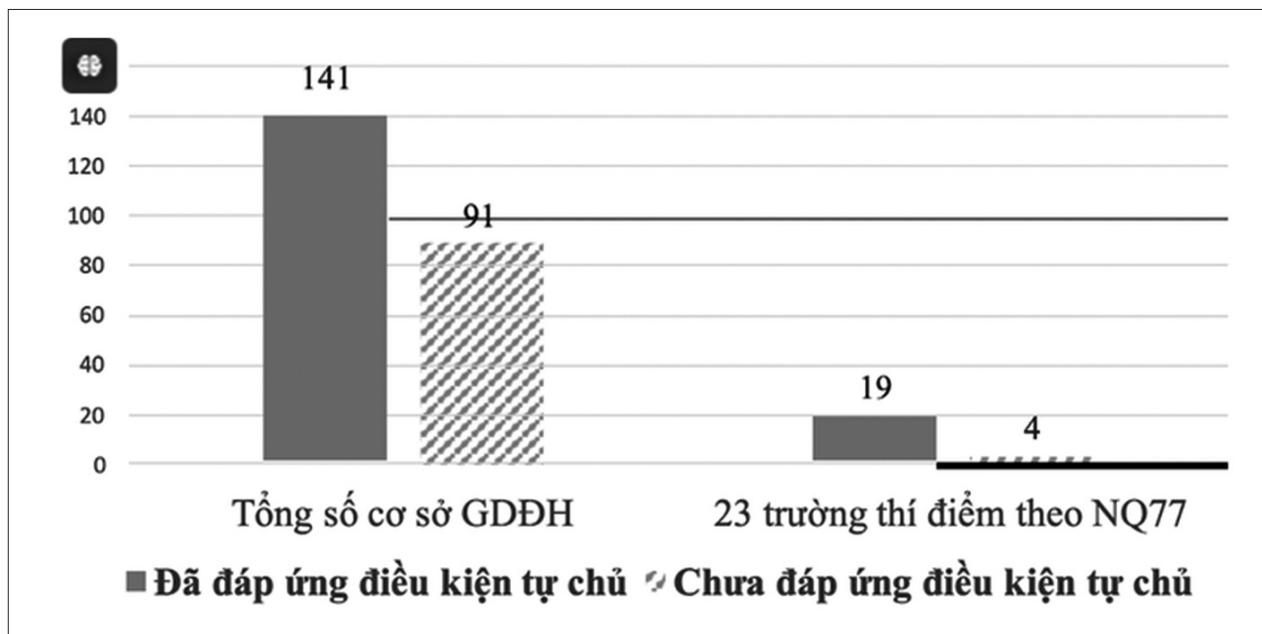
- Tự chủ trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ: cho phép các trường đại học tự do tuyển dụng, bố trí giảng viên và tạo điều kiện làm việc thuận lợi. Nhà nước chỉ quy định lương tối thiểu, trong khi nhiều nước áp dụng trả lương theo hiệu suất. Phát triển trường phụ thuộc vào chất lượng giảng viên, nên cần tận dụng nguồn nhân lực hiện có và phát triển đội ngũ trẻ để nâng cao năng lực và tự chủ.

- Tự chủ trong hoạt động đào tạo và tuyển sinh: đào tạo gồm quyền tự quyết về chỉ tiêu, ngành học, chương trình và phương pháp giảng dạy. Các trường nên tự quyết và công khai chỉ tiêu để xã hội giám sát. Việc mở ngành mới cần trao quyền cho trường, như doanh nghiệp tự quyết sản phẩm. Bộ Giáo dục chỉ nên xây dựng chương trình khung, tránh hạn chế sự tự chủ trong phát triển chương trình phù hợp thực tế.

- Tự chủ trong xác định chuẩn mực và phương pháp đánh giá: việc đánh giá chủ yếu do nhà trường thực hiện theo tiêu chuẩn chung, ít bị can thiệp bên ngoài, trừ cơ chế và quy trình đánh giá. Các trường cần lựa chọn phương pháp phù hợp với yêu cầu nhà nước và công chúng. Xu hướng chung là tăng cường tự chủ, trong đó Nhà nước giữ vai trò thiết lập khung pháp lý và cơ chế giám sát, còn các cơ sở giáo dục đại học được trao quyền quyết định trong khuôn khổ pháp luật quy định.. Quyền tự chủ cần đi đôi với năng lực tài chính để giảm phụ thuộc tài trợ. Các trường phải chứng tỏ khả năng tự quản và chịu trách nhiệm trước xã hội. Đến cuối năm 2021, có 141/232 trường đại học đủ điều kiện tự chủ, chủ yếu do chưa đạt chuẩn chất lượng (18,53%), chưa thành lập hội đồng trường (7,5%) và thiếu văn bản quy định.

Tính đến ngày 28/02/2025, cả nước có 270 cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá, 208 cơ sở được kiểm định chất lượng và 2.226 chương trình đào tạo tự đánh giá, trong đó có 1.882 chương trình được đánh giá ngoài và 1.718 chương trình được công nhận đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có mức độ tự chủ đại học thấp, đứng trong nhóm kém nhất (Hoàng Minh Sơn, 2019). Các trường thiếu chủ động do phụ thuộc vào chỉ đạo từ Bộ Giáo

Hình 2: Cơ sở đáp ứng đủ điều kiện thực hiện quyền tự chủ tại khoản 2 Điều 32 Luật GDĐH



Nguồn: Báo Điện tử Đại biểu nhân dân

dục, dẫn đến chuyển đổi sang mô hình đại học khởi nghiệp chậm.

Theo Trần Thị Tố Uyên (2024), Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã bắt đầu thực hiện tự chủ tài chính từ năm 2021. Đến tháng 4/2024, trong số 35 đơn vị (7 trường đại học, 1 viện thành viên, 27 đơn vị trực thuộc), có 23 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) và 12 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3). Trong 7 trường thành viên, 6 trường thuộc nhóm 2, còn 1 trường (Đại học An Giang) thuộc nhóm 3. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã thành lập Hội đồng Quản lý cho các đơn vị, có chức năng quản trị và điều hành, nhằm đảm bảo hoạt động của đơn vị phù hợp với Chiến lược Phát triển giai đoạn 2021-2025, đồng thời bảo đảm mức độ tự chủ để các đơn vị có thể sáng tạo và phát triển.

3.2. Chuyển giao công nghệ

Tính đến cuối năm 2023, có 6 trường đại học công lập và 4 trường tư thục có doanh thu từ 1.000 tỷ đồng trở lên, trong đó có 2 trường đạt trên 2.000 tỷ đồng. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm, các cơ sở giáo dục đại học phải báo cáo “3 công khai”: cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo và tài chính. Bắt đầu năm học 2024-2025, hầu

hết các trường đã công bố báo cáo này, với số liệu tài chính năm 2023, trong đó nhiều trường ghi nhận tổng doanh thu đạt nghìn tỷ đồng.

Mặc dù có nhiều chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ, vẫn tồn tại rào cản do thiếu thông tin và nhận thức về nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, dẫn đến chênh lệch giữa nghiên cứu và ứng dụng. Dưới đây là một số ứng dụng chuyển giao công nghệ trong giáo dục:

- Hệ thống quản lý học tập (LMS): (i) Moodle: Quản lý khóa học, cung cấp tài liệu học tập, tạo diễn đàn thảo luận. (ii) Canvas: Giúp giảng viên và sinh viên tương tác hiệu quả qua các khóa học trực tuyến.

- Giảng dạy trực tuyến (E-learning): (i) Zoom: Thực hiện các lớp học trực tuyến và hội thảo. (ii) Microsoft Teams: Tổ chức buổi học và giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên.

- Công cụ tương tác: (i) Kahoot: Tạo trò chơi trắc nghiệm tương tác trong lớp. (ii) Mentimeter: Thu thập ý kiến và phản hồi từ sinh viên trong thời gian thực.

- Quản lý tài liệu: Mendeley và EndNote: Hỗ trợ quản lý tài liệu nghiên cứu và trích dẫn.

- Thiết kế đồ họa và thuyết trình: (i) Canva: Tạo

tài liệu đồ họa và thuyết trình. (ii) Prezi: Hỗ trợ tạo bài thuyết trình sinh động.

- Phần mềm phân tích dữ liệu: SPSS và Stata: Sử dụng trong các khóa học về thống kê và phân tích dữ liệu.

- Hệ thống quản lý sinh viên: App trường: Cung cấp thông tin về lịch học, điểm số và thông báo cho sinh viên.

- Hệ thống thông tin quản lý: Hệ thống SSO (Single Sign-On): Giúp sinh viên truy cập dễ dàng vào các dịch vụ trực tuyến của trường.

Những ứng dụng này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn tạo ra môi trường học tập tương tác và linh hoạt hơn cho sinh viên.

3.3. Đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo là thách thức lớn với các trường công lập do giảng viên, sinh viên chưa gắn kết nghiên cứu và kết nối doanh nghiệp hạn chế, dẫn đến ứng dụng thực tiễn thấp. Theo Đinh Thị Thùy Linh (2021), nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong sản xuất - kinh doanh, chưa được coi trọng. Nghiên cứu tại ĐH Cần Thơ (2018) cho thấy: 41,3% giảng viên chưa chủ trì đề tài, 30,7% chưa tham gia đề tài, 50% chưa viết bài khoa học. Cần định hướng nghiên cứu phù hợp thực tiễn, ưu tiên nghiên cứu đột phá.

Theo Phạm Trần Vũ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa, doanh thu từ dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2018-2023 đạt khoảng 899 tỷ đồng. Chiến lược đổi mới sáng tạo (ĐMST) của trường tập trung vào 4 yếu tố: (i) Truyền cảm hứng: Tổ chức 113 sự kiện từ 2012-2023; (ii) Đào tạo: Môn học Khởi nghiệp ĐMST chiếm 60% chương trình, với 61 khóa ngắn hạn; (iii) Trải nghiệm: 1.529 sinh viên tham gia cuộc thi “Bách Khoa Innovation” và 50 cá nhân/nhóm đoạt giải trong các cuộc thi KH&CN; (iv) Ươm tạo: 74 dự án khởi nghiệp từ 2012-2023, gọi vốn hơn 2 triệu USD. Tuy nhiên, trường đang gặp một số thách thức, bao gồm chính sách thương mại hóa chưa đồng bộ, yêu cầu cao về công nghệ và liên ngành, cùng cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Để khắc phục, Trường ĐHBK đã rút ra một số bài học kinh nghiệm như: (i) Xây dựng giải pháp khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

(ii) Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước để phát triển nhóm nghiên cứu mạnh. (iii) Đầu tư vào hợp tác với doanh nghiệp để phát triển phòng thí nghiệm. (iv) Tổ chức đào tạo về khởi nghiệp ĐMST cho giảng viên và sinh viên. (v) Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST dài hạn.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp nghiên cứu định tính*: (i) Phương pháp quan sát: Quan sát trực tiếp hoạt động và quy trình tại các cơ sở giáo dục đại học để thu thập thông tin chi tiết. (ii) Phương pháp phỏng vấn sâu: Tiến hành phỏng vấn giảng viên, sinh viên và các chuyên gia để thu thập quan điểm và kinh nghiệm liên quan đến CGCN và ĐMST.

- *Phân tích dữ liệu*: (i) Dữ liệu sơ cấp: Thu thập từ phỏng vấn sâu và quan sát. (ii) Dữ liệu thứ cấp: Lấy từ các báo cáo, bài báo công bố và tài liệu có sẵn để hỗ trợ và làm phong phú thêm cho phân tích.

5. Kết quả và thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn gặp nhiều thách thức. Dù có chính sách khuyến khích, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và nghiên cứu còn hạn chế, bên cạnh đó các trường chưa tích cực kết nối với doanh nghiệp, dẫn đến ít sản phẩm nghiên cứu được chuyển giao.

Yếu tố thành công: (i) Chính sách hỗ trợ: Các chính sách của Nhà nước về tự chủ đại học và khuyến khích R&D. (ii) Mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp: hợp tác hiệu quả giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Rào cản: (i) Thiếu nhân lực chất lượng cao: Quy mô đào tạo sau đại học thấp, đặc biệt trong lĩnh vực STEM; (ii) Văn hóa đổi mới sáng tạo: Thiếu khuyến khích ĐMST trong nhiều trường công lập; (iii) Thiếu tài chính và Cơ sở vật chất: Nguồn tài chính hạn chế ảnh hưởng đến nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

Sự tự chủ trong quản trị đại học tạo cơ hội cho các trường chủ động hơn trong xây dựng chương trình đào tạo và nghiên cứu. Để phát huy tiềm năng này, cần: (i) Khuyến khích giảng viên và sinh viên

tham gia nghiên cứu; (ii) Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ; (iii) Tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất và thiết bị nghiên cứu.

Nghiên cứu chỉ ra rằng, CGCN và ĐMST là yếu tố thiết yếu cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học. Để nâng cao hiệu quả quản trị tự chủ, cần giải quyết các rào cản hiện tại và cải thiện mối quan hệ với doanh nghiệp, từ đó phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong tương lai.

6. Khuyến nghị giải pháp

Thúc đẩy chính sách hỗ trợ R&D: Cần có chính sách cụ thể từ Nhà nước để khuyến khích các trường đại học đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, bao gồm các quỹ hỗ trợ và ưu đãi thuế cho các hoạt động R&D.

Xây dựng mối quan hệ đối tác với doanh nghiệp: Tạo ra các chương trình hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp, tổ chức hội thảo, tọa đàm để tăng cường hiểu biết về nhu cầu thực tiễn và khả năng ứng dụng sản phẩm nghiên cứu.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường chương trình đào tạo sau đại học, đặc biệt trong các lĩnh vực STEM, để đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho thị trường, cung cấp các khóa đào tạo kỹ năng cho giảng viên và sinh viên về chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích văn hóa đổi mới sáng tạo: Tạo môi trường khuyến khích sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học thông qua các cuộc thi, giải thưởng nghiên cứu, và các hoạt động khởi nghiệp, đưa các hoạt động nghiên cứu vào trong chương trình giảng dạy để giảng viên và sinh viên có cơ hội tham gia thực tiễn.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng: Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị nghiên cứu để hỗ trợ cho các hoạt động chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, thiết lập các trung tâm ươm tạo và tăng cường các phòng thí nghiệm nghiên cứu.

Tăng cường kiểm định chất lượng: Thực hiện các quy trình kiểm định chất lượng chặt chẽ hơn để đảm bảo rằng các chương trình đào tạo và nghiên cứu đáp ứng tiêu chuẩn cao và có tính ứng dụng thực tiễn.

Thúc đẩy hợp tác quốc tế: Khuyến khích các trường đại học tham gia vào mạng lưới nghiên cứu quốc tế, từ đó học hỏi kinh nghiệm và mô hình thành công từ các quốc gia khác.

Thông qua việc triển khai những giải pháp trên, các cơ sở giáo dục đại học có thể nâng cao khả năng chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững trong bối cảnh tự chủ quản trị ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Đinh Thị Thùy Linh. (2021). Vai trò của trường đại học trong hệ thống đổi mới sáng tạo: Thực tiễn trên thế giới và liên hệ với Việt Nam. Truy cập tại <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/824384/vai-tro-cua-truong-dai-hoc-trong-he-thong-doi-moi-sang-tao--thuc-tien-tren-the-gioi-va-lien-he-voi-viet-nam.aspx>.
- Hà, N. V. (2019). Mối quan hệ giữa trường đại học - doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ứng dụng mô hình triple helix tại Việt Nam. *TNU Journal of Science and Technology*, 196(03), 189-196.
- Hồng Thủy. (2020). Những quy định nào đang bó chặt chủ trương tự chủ đại học của Trung ương? Truy cập tại <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/nhung-quy-dinh-nao-dang-bo-chat-chu-truong-tu-chu-dai-hoc-cua-trung-uong-post205510.gd>.
- Uyên, T.T.T (2024). Thực hiện quyền tự chủ đại học từ thực tiễn Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh – Thực trạng và giải pháp. Truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/05/14/thuc-hien-quyen-tu-chu-dai-hoc-tu-thuc-tien-dai-hoc-quoc-gia-tp-ho-chi-minh-thuc-trang-va-giai-phap/>
- Sơn, H. M., Yêm, V. V., & Hương, N. T. (2019). Một số kiến nghị về đầu tư cho đổi mới giáo dục đại học Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giáo dục và đào tạo Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Vấn đề và giải pháp, Hà Nội, tháng 5.

Trần, N. Á., & Đinh, V. T. (2020). Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học: từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Toàn, Đ. V. (2020). Quản trị đại học tiên tiến: Những thách thức đặt ra cho các trường đại học Việt Nam. Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương, 116-121.

Đỗ Thị Hải Ninh và Đỗ Ngọc Bích. (2020). Nghiên cứu lý thuyết về mối quan hệ chuyển giao công nghệ giữa các trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam trong Cách mạng công nghiệp 4.0. Truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/nghien-cuu-ly-thuyet-ve-moi-quan-he-chuyen-giao-cong-nghe-giua-cac-truong-dai-hoc-va-doanh-nghiep-o-viet-nam-trong-cach-mang-cong-nghe-4-0-74381.htm>

Chang, Y. C., Yang, P. Y., & Chen, M. H. (2009). The determinants of academic research commercial performance: Towards an organizational ambidexterity perspective. Research Policy, 38(6), 936-946.

Etzkowitz, H. (2003). Research groups as “quasi-firms”: the invention of the entrepreneurial university. Research policy, 32(1), 109-121.

Ngày nhận bài: 13/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/2/2025

PROMOTING TECHNOLOGY TRANSFER AND INNOVATION IN UNIVERSITY AUTONOMY IN VIETNAM

● TRAN VAN KHANH¹

● DONG MINH NHI²

¹Faculty of Finance, Banking and Accounting, Hung Vuong University

²Institute of Postgraduate Training, Hung Vuong University

ABSTRACT:

This study examines the role of technology transfer in fostering innovation within universities, particularly in the context of increasing educational competition and the growing need for institutional autonomy. Autonomy in governance is identified as a key factor enabling universities to more flexibly adopt and implement new technologies. The study clarifies core concepts, reviews existing technology transfer models, and evaluates the current status and challenges faced by autonomous universities. Based on these insights, the study proposes solutions to enhance the effectiveness of technology transfer, including strengthening partnerships with businesses, investing in technological infrastructure, and developing qualified human resources. The findings highlight that optimizing technology transfer not only improves university governance but also enhances educational quality and supports the sustainable development of higher education.

Keywords: education quality, innovation, technology transfer efficiency, technology transfer model, university governance autonomy.